

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2018/HSST
Ngày: 22-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH YÊN BÁI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: **Trần Thành Long**

Các Hội thẩm nhân dân:

1, Ông Hà Văn Tý;

2, Ông Hà Văn Tuấn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Thúy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:* Ông **Hà Lập Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Đoàn Tiên D, tên gọi khác: không; sinh ngày 12 tháng 02 năm 1962 tại huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đoàn Văn Th, các tên gọi khác Đoàn Xuân Th, Hoàng Đình B sinh năm 1933 (đã chết) và bà: Trần Thị Nh, sinh năm 1933 (đã chết); bị cáo có vợ là Vũ Thị V, sinh năm 1968 (đã ly hôn) và có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1985 con nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân Bản án số 02/HSST ngày 28/2/2005 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bản án số 22/HSST ngày 15/6/2011 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái xử phạt 01 năm tù về tội “Đánh bạc” bị cáo được tại ngoại tại thôn V, xã T, huyện V, biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; (có mặt).

2. Bị hại: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1968, trú tại thôn K, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đoàn Tiến D và bà Trần Thị Th sống chung với nhau như vợ chồng, kết sắt của bà Th là do D mua về nên D biết nơi cất chìa khóa và mật mã kết sắt của bà Th. Khoảng 08 giờ ngày 25-4-2018, tại nhà bà Th thôn K, xã Ng, huyện V, tỉnh Yên Bái lợi dụng lúc bà Th ở khu vực bếp phía sau nhà, D lấy chìa khóa mở kết sắt của bà Th lấy 08 tập tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bọc bằng khăn mùi xoa để trong một chiếc túi ny lông màu xanh, mang cất vào ngăn tủ quần áo kê trong buồng ngủ của bà Th rồi đóng kết sắt lại để chìa khóa vào vị trí ban đầu. Ngày 30-4-2018, bà Th đi vắng D lấy tiền ra đếm được 160.000.000 đồng, D mang giấu vào cốp xe mô tô biển kiểm soát 21F1-0293 của bà Th đi về nhà, khi đi qua suối thuộc thôn H xã T do nước suối dâng cao, xe bị đổ D bám vào cốp xe để dựng xe lên thì yên xe bật ra trôi toàn bộ số tiền nêu trên.

Cáo trạng số: 35/CT-VKS-VC ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái truy tố bị cáo Đoàn Tiến D về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Đoàn Tiến D thành khẩn khai báo, công nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên, tuy nhiên bị cáo trình bày số tiền trộm cắp của Bà Th có một phần của bị cáo vì bị cáo chung sống, làm ăn cùng bà Th.

Tại phiên tòa cũng như lời khai tại cơ quan điều tra bị hại Trần Thị Th trình bày: Ngày 05-5-2018, bà Th phát hiện bị mất số tiền 160.000.000 đồng để trong kết sắt tại nhà, đây là tiền bà Th vay để làm ăn. Cơ quan điều tra đã thu hồi trả cho bà Th 77.000.000 đồng. bà Th có đơn tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 83.000.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Đoàn Tiến D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, các điểm b và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Đoàn Tiến D từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô; 01 hợp đồng tín dụng; 01 tờ lịch, cơ quan điều tra trả lại cho bị hại Trần Thị Th.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chiếm đoạt của bị hại số tiền 160.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường 77.000.000 đồng, số tiền còn lại 83.000.000 đồng bà Th tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí; bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo Đoàn Tiến D nói lời sau cùng: Bị cáo có tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện V, tỉnh Yên Bái, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Tiến D không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ ngày 25-4-2018, tại nhà bà Trần Thị Th thôn K, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái lợi dụng lúc bà Th ở khu vực bếp phía sau nhà, D lấy chìa khóa mở két sắt của bà Th lấy 160.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mang cất vào ngăn tủ quần áo kê trong buồng ngủ của bà Th rồi đóng két sắt lại để chìa khóa vào vị trí ban đầu. Ngày 30-4-2018, D mang giấu tiền vào cốp xe mô tô biển kiểm soát 21F1-0293 đi về nhà, khi đi qua suối thuộc thôn Hán xã Thượng Bằng La do nước suối dâng cao, xe bị đổ D bám vào cốp xe để dựng xe lên thì yên xe bật ra trôi toàn bộ số tiền nêu trên.

Bị cáo Đoàn Tiến D là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật Hình sự bảo vệ, nhưng do vụ lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện; tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 160.000.000 đồng, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3]. Về tính chất mức độ phạm tội: Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo đã gây nguy hiểm cho xã hội, cần phải đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường 77.000.000 đồng cho bị hại, số tiền 83.000.000 đồng còn lại bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận đầy đủ, rõ ràng về hành vi phạm tội đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Bị cáo bồi thường thiệt hại”; “Thành khẩn khai báo” quy định tại các điểm b và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, ngoài ra bị cáo có cha đẻ là thương binh là người có công với Cách mạng, giữa bị cáo và bị hại chung sống như vợ chồng từ năm 2004 cho đến nay bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5]. Về nhân thân: Bị cáo đã hai lần bị kết án đã được xóa án tích. Xác định bị cáo là người có nhân thân xấu.

[6]. Bị cáo phạm tội nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng là người có nhân thân xấu, nên cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

[7]. Tại phiên tòa và biên bản xác minh tài sản ngày 23-5-2018, nơi bị cáo cư trú của cơ quan Điều tra cho thấy: Bị cáo không có tài sản, thu nhập từ trồng trọt rất thấp. nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về vật chứng của vụ án: Đoàn Tiến D trộm cắp của bà Trần Thị Th 160.000.000 đồng, trong quá trình điều tra Công an huyện V đã thu hồi trả gia đình bà Th 77.000.000 đồng số tiền còn lại là 83.000.000 đồng bà Th tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Cơ quan điều tra Công an huyện V còn tạm giữ 01 xe mô tô; 01 hợp đồng tín dụng; 01 tờ lịch, đây là tài sản và giấy tờ của bà Trần Thị Th, Cơ quan điều tra trả lại cho bà Th. Bà Th không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa bị cáo trình bày số tiền trộm cắp của bà Th có một phần của bị cáo vì bị cáo chung sống, làm ăn cùng bà Th nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh phần tiền của bị cáo trong tổng số tiền đã chiếm đoạt. Bà Th xác định toàn bộ số tiền này là của riêng bà Th. Xét thấy trong quá trình điều tra đã xác định toàn bộ số tiền là của bà Th đi vay Ngân hàng và một số cá nhân, nên yêu cầu của bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Về án phí: Bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1, Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Đoàn Tiến D**, phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2, Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo **Đoàn Tiến D 03** (ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tự nguyện hoặc bắt thi hành án.

3, Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo **Đoàn Tiến D** phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4, Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

+ Bị cáo Đoàn Tiến D và bị hại Trần Thị Th có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 22-8-2018.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo; bị hại;
- Thi hành án hình sự;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã T, huyện V
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thành Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thành Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thành Long

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thành Long

Tại thời điểm năm 2017 các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đang còn hiệu lực, nhưng tại thời điểm xét xử hôm nay thì Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có hiệu lực từ ngày 01-01-2018. Bộ luật Hình sự năm 1999 tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Trốn khỏi nơi giữ” có khung hình phạt nặng hơn quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015.

Lời khai tại phiên toà của các bị cáo đúng như nội dung cáo trạng, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ niêm phong vật chứng, biên bản mở niêm phong cân xác định trọng lượng vật chứng, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: